

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 271/2012/NQ-HĐND13

Điện Biên, ngày 24 tháng 5 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường
đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN KHOÁ XIII - KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10, ngày 28/8/2001 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa X;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002 NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25/8/2011 của Chính phủ Về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Sau khi xem xét Tờ trình số 601/TTr-UBND ngày 24/4/2012 của UBND tỉnh về việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 09/BC - HĐND ngày 15/5/2012 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của Đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên, cụ thể như sau:

1. Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản:

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu phí (đồng)
I	Quặng khoáng sản kim loại:		
1	Quặng sắt	Tấn	60.000
2	Quặng chì	Tấn	270.000
3	Quặng kẽm	Tấn	270.000
4	Quặng đồng	Tấn	60.000
5	Quặng bô xít	Tấn	50.000
6	Quặng vàng	Tấn	270.000
7	Quặng khoáng sản kim loại khác	Tấn	30.000
II	Khoáng sản không kim loại:		
1	Đá ốp lát, làm mỹ nghệ (granit, gabro, đá hoa...)	m ³	70.000
2	Gờ-ra-nít (granite)	Tấn	30.000
3	Đá Block	m ³	90.000
4	Quặng đá quý: Kim cương, ru-bi (rubi); Sa-phia (sapphire); E-mô-rôt (emerald); A-lếch-xan-đờ-rít (alexandrite); Ô-pan (opan) quý màu đen; A-dít; Rô-đô-lít (rodolite); Py-rôp (pyrope); Bê-rin (berin); Sờ-pi-nen (spinen); Tô-paz (topaz), thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam; Cờ-ri-ô-lít (cryolite); Ô-pan (opan) quý màu trắng, đỏ lửa; Phen-sờ-phát (fenspat); Birusa; Nê-phờ-rít (nephrite)	Tấn	70.000
5	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Tấn	3.000
6	Các loại đá khác (đá làm xi măng, khoáng chất công nghiệp...)	Tấn	3.000
7	Sỏi, cuội, sạn	m ³	6.000
8	Cát vàng	m ³	5.000
9	Các loại cát khác	m ³	4.000
10	Đất sét, làm gạch, ngói	m ³	2.000
11	Đất làm thạch cao	m ³	3.000
12	Đất làm cao lanh	m ³	7.000
13	Các loại đất khác (san lấp, xây dựng..)	m ³	2.000

14	Than đá và các loại than khác	Tấn	10.000
15	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	3.000
16	Khoáng sản không kim loại khác	Tấn	30.000

2. Trong quá trình thực hiện, nếu trên địa bàn tỉnh có phát sinh các loại khoáng sản không có trong quy định này, thì giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cụ thể và áp dụng mức thu phí tối đa của các loại khoáng sản đó đã được quy định tại Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25/8/2011 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và thay thế Nghị Quyết số 143/2008/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XII, V/v quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Khóa XIII kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 18 tháng 5 năm 2012./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Tùng